

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 13-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sơn Thanh Bình
2. Ông Lý Thanh Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và điểm cầu thành phần Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01-01-1972; tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý S và bà Lý Thị Đ; có vợ tên Lâm Thị T và 05 người con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08-02-2023 đến ngày 14-02-2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Bà Sơn Thị S1, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1/ Bà Sơn Thị S2, sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2/ Ông Sơn M, sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 08 tháng 02 năm 2023, sau khi đi đám tang tại nhà ông L thì Lý P đi bộ đến nhà ông P1 tại T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để rủ ông P1 uống rượu. Khi đến nhà ông P1 mở cửa nhưng không có người ở nhà, P nhìn thấy trong nhà có chiếc một xe mô tô biển kiểm soát 83PT-344.54, trên xe có gắn chìa khóa xe. Lúc này, P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe để làm phương tiện đi lại nên P đi đến chỗ chiếc xe, dắt xe ra ngoài lộ rồi lên xe nổ máy chạy đi. Cùng thời điểm đó, bà Sơn Thị S2 đang ở nhà của người cháu gần đó, nhìn thấy P điều khiển xe ngang qua giống xe của con bà S2 nên nghi ngờ P đã lấy trộm xe của con mình. Sau đó, bà S2 đi về nhà kiểm tra thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 83PT-344.54 đã bị mất nên bà S2 đến Công an xã T trình báo sự việc. Riêng đối với P, sau khi lấy được xe, P đi về nhà uống rượu, sau đó P điều khiển xe đến nhà ông Sơn M để rủ ông M uống rượu. Trong lúc uống rượu, P có ra mở cốp xe để kiểm tra, thì thấy trong cốp xe có giấy đăng ký xe mô tô biển số 83PT-344.54, ông M có hỏi P: “Xe của mày, mày cho con mày chạy, xe này ở đâu mày có mà chạy?”, P nói với ông M: “Xe mới mua ba triệu”. Sau khi tiếp nhận nguồn tin tố giác, Công an xã T tiến hành truy tìm và đến nhà ông Sơn M phát hiện xe mô tô biển số 83PT-344.54 nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với P cùng tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện M, kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 83PT-344.54, nhãn hiệu DAELIMKREA màu xanh trắng, số máy MBYDSH001330, số khung B2UMHA001330 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 7.494.500 đồng (Bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M có tạm giữ vật chứng: 01 (một) Xe mô tô biển kiểm soát 83PT-344.54, nhãn hiệu DAELIMKREA màu xanh trắng, số máy: MBYDSH001330, số khung: B2UMHA001330; 01 (Một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 204287, biển số đăng ký 83PT-344.54. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho chủ sở hữu bà Sơn Thị S1.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Sơn Thị S1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS-MT ngày 18-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Lý P về “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Lý P đã thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Sơn Thị S1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú giữ nguyên Cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lý Phương p “Tội Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50 và 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Lý P tù 06 (Sáu) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét; về vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ đã xử lý trả cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét; về án phí bị cáo là người bị kết án nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa: Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như Cáo trạng đã truy tố, lời trình bày của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên người bào chữa thống nhất nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên kết luận bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp nên người bào chữa thống nhất và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù mà Kiểm sát viên đề nghị tuyên phạt bị cáo là nghiêm khắc. Trong vụ án này, bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; việc bị cáo phạm tội là do nhất thời uống rượu không kiểm soát được hành vi, bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán tiêu xài cá nhân; bị cáo đã hối hận về hành vi của bị cáo. Do vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định tuyên phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo P là người dân tộc Khmer sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo P xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, tại phiên tòa, bị hại Sơn Thị S1 và những người làm chứng S, Sơn Thị S2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra, bị hại và người làm chứng đã có lời khai nên việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Lời khai nhận của bị cáo P phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng hơn 15 giờ 30 phút ngày 08-02-2023, bị cáo P lợi dụng trong lúc nhà ông P1 không có người trông giữ, đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại S1 là một xe mô tô biển kiểm soát 83PT-344.54, có tổng giá trị là 7.494.500 đồng (Bảy triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) sau đó bị bắt quả tang. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành “Tội Trộm cắp tài sản”. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đã truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tuyên bị cáo Phương phạm “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy, hành vi của bị cáo P đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo P là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác để sử dụng vào mục đích cá nhân. Mặc dù, tài sản bị cáo lấy trộm của bị hại đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nhưng hành vi của bị cáo P đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, gây mất an toàn, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội bị cáo P có nhân thân tốt; sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo lấy trộm đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nên thiệt hại về vật chất không lớn và bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt, như đã nhận định hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội và đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tuyên phạt bị cáo mức hình phạt tù 06 tháng tù đến 12 tháng tù là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố bị hại Sơn Thị S1 đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng, trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện M đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu bà Sơn Thị S1 01 (một) Xe mô tô biển kiểm soát 83PT-344.54, nhãn hiệu DAELIMKREA màu xanh trắng, số máy: MBYDSH001330, số khung: B2UMHA001330; 01 (Một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 204287, biển số đăng ký 83PT-344.54 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo P thuộc trường hợp miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

[10] Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đề nghị về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các phần trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy, theo quy định của điều luật thì Hội đồng xét xử có thể xem xét tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng tình hình tội phạm xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản người khác ở địa phương ngày càng gia tăng, đặc biệt là đối với tội trộm cắp tài sản nên việc tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt sẽ không bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và không đủ tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 292; Điều 293; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bị cáo Lý P “Tội Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lý P 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-02-2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bị cáo Lý P được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi Cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân